

THÔNG BÁO

Về việc mời thầu thi công thay tôn và chống dột nhà xưởng tại Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (MCP) thông báo và kính mời các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện và năng lực tham gia dự thầu gói thầu thi công thay tôn mái và chống dột nhà xưởng của Công ty như sau:

1. Gói thầu và hình thức lựa chọn

- Tên gói thầu: **Thay tôn và chống dột nhà xưởng.**
- Hình thức: đấu thầu hạn chế, có thông báo công khai; sơ tuyển theo hồ sơ năng lực, tối thiểu 03 nhà thầu.
- Loại hợp đồng: đơn giá cố định; khối lượng tạm tính, nghiệm thu và thanh toán theo khối lượng thực tế.

2. Phạm vi công việc

STT	Hạng mục	Nội dung chính
1	Kho (số 2), diện tích 1000.62m ²	Chống dột mái M1; máng xối mái M2; tháo dỡ, thay và lợp lại mái M3; gia cố kèo đỡ mái
2	Kho nắp (số 22), diện tích 44.5m ²	Thay tôn mái 48.06 m ² ; máng xối
3	Kho hàng mái tôn - không vách bao che (số 33), diện tích 1172.63m ²	Thay tôn mái 1,009.99 m ² ; chống dột 256.45 m ² ; diềm, máng xối
4	Nhà văn phòng 2 tầng (số 18), diện tích 2664m ² (thi công một phần mái)	Thay tôn mái 716.99 m ² ; chống dột 148.80 m ² ; diềm
5	Xưởng in tráng (số 7), diện tích 2479.83m ²	Thay tôn mái 1,921.32 m ² ; diềm; bịt kín 08 vị trí ống khói
6	Xưởng thủy hải sản, cắt sắt cuộn (số 12), diện tích 933.85m ²	Thay tôn mái 1,008.56 m ² ; diềm
7	Kho lon không in (số 13), diện tích 629.84m ²	Thay tôn mái 680.23 m ² ; diềm; máng xối
8	Đầu ra xưởng tráng mới, diện tích 108m ²	Thay tôn mái 116.64 m ² ; diềm biên
9	Lắp dựng mái che	Xà gồ, cột, mã, máng xối, ống thoát nước; lắp đặt tôn cũ có sẵn
10	Chi phí khác	Che chắn, dọn vệ sinh, vận chuyển tôn cũ cho toàn bộ hạng mục (5,898.36 m ²)

Bảng khối lượng chi tiết (BOQ) được cung cấp kèm Hồ sơ mời thầu.



3. Địa điểm thi công

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu, số 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

4. Điều kiện tham gia

Nhà thầu phải đáp ứng đồng thời: (1) đang hoạt động hợp pháp, ngành nghề xây dựng phù hợp, vốn điều lệ tối thiểu 05 tỷ đồng; (2) có tối thiểu 02 hợp đồng thi công tương tự đã hoàn thành; (3) tài sản ròng dương theo báo cáo tài chính năm 2025; (4) có nhân sự chủ chốt và biện pháp thi công đáp ứng yêu cầu; (5) cam kết bảo hành, xử lý sự cố trong 24 giờ. Chi tiết tại Hồ sơ mời thầu.

5. Thành phần hồ sơ dự thầu

Gồm 02 phong bì đựng trong 01 túi hồ sơ có dán niêm phong, bên ngoài ghi rõ tên nhà thầu và nội dung "Hồ sơ dự thầu thay tên và chống dột":

- a) **Phong bì 1 - Hồ sơ năng lực và biện pháp thi công:** đơn dự thầu; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực); giấy phép, chứng chỉ hoạt động xây dựng (nếu có); báo cáo tài chính năm 2025; tối thiểu 02 hợp đồng tương tự kèm biên bản nghiệm thu; danh sách nhân sự chủ chốt; thuyết minh biện pháp thi công và tiến độ.
- b) **Phong bì 2 - Hồ sơ chào giá (dán kín, niêm phong):** Biểu mẫu chào giá (BOQ) giữ nguyên định dạng, có ký tên, đóng dấu; bảng đề xuất về thời gian thi công, phương thức thanh toán, bảo hành. Hiệu lực tối thiểu 90 ngày; mỗi nhà thầu chỉ nộp 01 hồ sơ và không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ dự thầu.

6. Nhận Hồ sơ mời thầu, BOQ và nộp hồ sơ

- Nhận Hồ sơ mời thầu và BOQ (bản in và file): tại nơi nhận hồ sơ từ ngày 01/10/2026 (hồ sơ dự thầu nộp trực tiếp hoặc chuyển phát, không nhận qua thư điện tử).
- Thời hạn nộp hồ sơ: từ ngày 01/10/2026 đến **16h00 ngày 11/10/2026**. Hồ sơ nộp sau thời hạn không được xem xét.
- Người tiếp nhận: Ông Nguyễn Thanh Tú - Trưởng phòng HCNS, thành viên Tổ đấu thầu; điện thoại: 0963084246; email: tunt4@mychau.com.vn
- Địa chỉ nhận: số 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

7. Mở thầu

10h00 ngày 12/10/2026 tại Phòng họp 1, số 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng

01 tháng kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, trong đó thời gian thi công tối đa 24 ngày. MCP lựa chọn 01 nhà thầu để ký hợp đồng thi công theo dự thảo kèm Hồ sơ mời thầu.

9. Lưu ý

57138
CÔNG TY
PHẦN
BAO
CHẤU
HỒ C

my

Từ khi mở thầu đến khi có kết quả, MCP chỉ làm việc với nhà thầu qua văn bản làm rõ hồ sơ và đàm phán nhà thầu xếp hạng cao nhất. MCP không hoàn trả hồ sơ dự thầu; nhà thầu tự chịu chi phí tham gia dự thầu.

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu kính mời các tổ chức, cá nhân quan tâm tham gia dự thầu theo nội dung trên.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Niêm yết bảng tin, website Công ty;
- Lưu Văn thư.

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)



La Hoài Nam





CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

HỒ SƠ MỜI THẦU

Gói thầu: THAY TÔN VÀ CHỐNG DỘT NHÀ XƯỞNG

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu hạn chế, có thông báo công khai

Địa điểm: Số 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Phát hành ngày 01 tháng 10 năm 2026

STT	Nội dung Hồ sơ mời thầu	Phần
1	Chỉ dẫn nhà thầu	Phần I
2	Tiêu chuẩn đánh giá	Phần II
3	Yêu cầu về phạm vi, kỹ thuật và điều kiện thực hiện	Phần III
4	Biểu mẫu dự thầu (Mẫu 01 - 05)	Phần IV
5	Biểu mẫu chào giá (BOQ) - file Excel kèm theo	Phần V
6	Dự thảo hợp đồng thi công - file kèm theo	Phần VI

PHẦN I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. **Bên mời thầu:** Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (MCP), số 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh. Đại diện: Tổ đấu thầu thành lập theo Quyết định số 188/2026/QĐ-MCP.
- 1.2. **Gói thầu:** Thay tôn và chống dột nhà xưởng, gồm 10 hạng mục tại Phần III và BOQ. Nguồn vốn: vốn của Công ty.
- 1.3. **Ngôn ngữ và đồng tiền:** tiếng Việt; đồng Việt Nam (VNĐ).
- 1.4. **Điều kiện tham gia:** nhà thầu là tổ chức có tư cách pháp lý hợp lệ, đáp ứng tiêu chuẩn tại Phần II; không đang trong tình trạng giải thể, phá sản; không nợ thuế quá hạn.
- 1.5. **Xung đột lợi ích:** nhà thầu không có quan hệ sở hữu, quản lý, thân thuộc với thành viên Tổ đấu thầu. Đơn vị tư vấn khảo sát được tham gia dự thầu như các nhà thầu khác, không được hưởng ưu tiên hoặc thông tin ngoài Hồ sơ mời thầu này, và phải nêu rõ trong Đơn dự thầu.
- 1.6. **Liên chính:** nghiêm cấm đưa, nhận hoặc đề nghị hối lộ; thông thầu; gian lận, cung cấp thông tin sai sự thật. Vi phạm bị loại khỏi gói thầu.

2. Hồ sơ dự thầu

- 2.1. Hồ sơ dự thầu gồm **02 phong bì đựng trong 01 túi hồ sơ** có dán niêm phong, bên ngoài ghi tên nhà thầu và nội dung "Hồ sơ dự thầu thay tôn và chống dột".
- 2.2. **Phong bì 1 - Hồ sơ năng lực và biện pháp thi công:** (1) Đơn dự thầu (Mẫu 01); (2) tài liệu chứng minh tư cách người ký đơn (giấy ủy quyền nếu không phải người đại diện pháp luật); (3) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép hoạt động xây dựng (nếu có); (4) kê khai thông tin và năng lực tài chính (Mẫu 02) kèm báo cáo tài chính năm 2025; (5) Danh sách hợp đồng tương tự (Mẫu 03) kèm hợp đồng, biên bản nghiệm thu; (6) Nhân sự chủ chốt (Mẫu 04) kèm bằng cấp, chứng chỉ, giấy chứng nhận huấn luyện an toàn; (7) Thuyết minh biện pháp thi công và cam kết (Mẫu 05), tiến độ, nhân lực, thiết bị.
- 2.3. **Phong bì 2 - Hồ sơ chào giá (dán kín, niêm phong):** Biểu mẫu chào giá (BOQ, file Excel) đã điền đầy đủ, **giữ nguyên định dạng**, ký tên, đóng dấu; gồm bảng chào giá và bảng đề xuất về thời gian thi công, phương thức thanh toán, bảo hành, biện pháp thi công.
- 2.4. Nhà thầu nộp **01 bản gốc và 01 bản chụp**; nội dung hai bản phải đồng nhất, nếu có sai khác thì lấy bản gốc. Mỗi nhà thầu chỉ nộp 01 hồ sơ dự thầu và không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ dự thầu.
- 2.5. **Giá chào:** là giá chưa VAT, gồm toàn bộ chi phí vật tư, nhân công, máy thi công, vận chuyển, che chắn, an toàn, bảo hiểm, thuế phí (trừ VAT) và lợi nhuận. Đơn giá cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng; khối lượng tạm tính, thanh toán theo khối lượng thực tế nghiệm thu.
- 2.6. **Hiệu lực hồ sơ dự thầu:** tối thiểu 90 ngày kể từ thời điểm đóng thầu. **Bảo đảm dự thầu:** không yêu cầu.

3. Nộp, mở thầu và làm rõ hồ sơ

- 3.1. **Nộp hồ sơ:** từ ngày 01/10/2026 đến **16h00 ngày 11/10/2026** tại số 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh. Người tiếp nhận: Ông Nguyễn Thanh Tú, điện thoại

0963084246. Hồ sơ nộp sau thời hạn không được xem xét. Nhà thầu được sửa đổi hoặc rút hồ sơ trước thời hạn nộp bằng văn bản.

- 3.2. **Mở thầu:** 10h00 ngày 12/10/2026 tại Phòng họp 1 của MCP. Tổ đấu thầu kiểm tra niêm phong, mở túi hồ sơ và các phong bì, ghi nhận nội dung chính và giá chào tổng vào biên bản có chữ ký của Tổ đấu thầu.
- 3.3. **Làm rõ hồ sơ:** từ 12/10/2026 đến hết 13/10/2026. Tổ đấu thầu yêu cầu làm rõ bằng văn bản; nhà thầu trả lời trong 01 ngày làm việc. Việc làm rõ không làm thay đổi bản chất, giá chào và không bổ sung năng lực chưa có tại thời điểm đóng thầu (đàm phán thực hiện theo mục 4.4).
- 3.4. **Sửa lỗi số học:** nếu đơn giá và thành tiền không khớp thì lấy đơn giá làm cơ sở; nếu tổng không khớp với các thành phần thì lấy giá trị cộng lại. Nhà thầu phải xác nhận kết quả sửa lỗi, nếu không thì bị loại.

4. Đánh giá và lựa chọn nhà thầu

- 4.1. Tổ đấu thầu đánh giá ngày 14/10/2026 theo Phần II: sơ tuyển (Đạt/Không đạt), sau đó chấm điểm và xếp hạng lần 1 nhà thầu đạt sơ tuyển.
- 4.2. **Số lượng nhà thầu:** tối thiểu 03 nhà thầu đạt sơ tuyển. Nếu chưa đủ, Tổ đấu thầu báo cáo Tổng Giám đốc quyết định gia hạn thời hạn nộp hoặc tiếp tục đánh giá với số nhà thầu hiện có; MCP thông báo kịp thời cho nhà thầu.
- 4.3. Từ khi mở thầu đến khi có kết quả, MCP không tiếp xúc với nhà thầu ngoài việc làm rõ hồ sơ theo mục 3.3 và đàm phán theo mục 4.4.
- 4.4. **Đàm phán:** dự kiến 15/10/2026, Tổ đấu thầu mời nhà thầu xếp hạng cao nhất (đàm phán về đơn giá, thời gian thi công, phương thức thanh toán, bảo hành, biện pháp thi công. Nhà thầu không được tăng giá đã chào và không thay đổi năng lực đã kê khai; nội dung đàm phán áp dụng như nhau cho các nhà thầu được mời; kết quả lập biên bản có chữ ký của nhà thầu và nộp lại BOQ điều chỉnh có ký tên, đóng dấu. Nhà thầu từ chối đàm phán được giữ nguyên nội dung đã chào. Sau đàm phán, Tổ đấu thầu chấm điểm lại và xếp hạng cuối cùng. Khi đến đàm phán, mỗi nhà thầu được mời phải mang theo mẫu vật tư chào thầu gồm: 01 mẫu tôn lạnh mạ màu TVP (đúng màu, độ dày, số sóng chào thầu, kích thước tối thiểu [30 x 30] cm) và [05] cái đinh vít gia cố, kèm bản sao CO/CQ (hoặc TCCS) và COA. Tổ đấu thầu kiểm tra mẫu; mẫu đạt yêu cầu được đại diện Tổ đấu thầu và nhà thầu ký xác nhận, niêm phong và lưu tại MCP. Mẫu đã lưu của nhà thầu được lựa chọn là mẫu đối chiếu khi nghiệm thu vật tư đầu vào và nghiệm thu hoàn thành. Nhà thầu không được lựa chọn nhận lại mẫu trong [07] ngày kể từ ngày có thông báo kết quả. Chi phí mẫu do nhà thầu chịu. Nhà thầu không mang mẫu hoặc mẫu không đúng yêu cầu Phần III (mục 2) bị đánh giá vật tư "Không đạt".

5. Kết quả, ký hợp đồng và khiếu nại

- 5.1. Tổng Giám đốc phê duyệt kết quả; Tổ đấu thầu thông báo bằng văn bản đến các nhà thầu.
- 5.2. Nhà thầu xếp hạng 1 ký hợp đồng thi công theo dự thảo (Phần VI) trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận thông báo kết quả và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Nếu từ chối hoặc không ký đúng hạn, MCP mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo theo phê duyệt của Tổng Giám đốc.

- 5.3. Nhà thầu có ý kiến về kết quả gửi văn bản đến Tổ đấu thầu trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo; Tổng Giám đốc xem xét, trả lời bằng văn bản.
- 5.4. MCP có quyền hủy thầu khi không có nhà thầu đạt yêu cầu, khi có thay đổi về nhu cầu hoặc phát hiện vi phạm nghiêm trọng; nhà thầu tự chịu chi phí tham gia dự thầu.

PHẦN II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

Hồ sơ dự thầu được đánh giá theo 03 bước: (1) sơ tuyển - năng lực và biện pháp thi công (Đạt/Không đạt); (2) chấm điểm 100 điểm; (3) xếp hạng, đàm phán và lựa chọn.

Bước 1. Sơ tuyển (Đạt/Không đạt)

a) **Tính hợp lệ:** hồ sơ đúng thành phần, nộp đúng hạn, nội dung bản gốc và bản chụp đồng nhất, có ký tên, đóng dấu hợp lệ.

b) **Năng lực và kinh nghiệm** - phải đáp ứng đồng thời, không đạt bị loại:

STT	Nội dung	Yêu cầu
1	Pháp lý	Đang hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với ngành nghề xây dựng phù hợp; vốn điều lệ tối thiểu 05 tỷ đồng .
2	Kinh nghiệm	Có tối thiểu 02 hợp đồng thi công tương tự đã hoàn thành trong 05 năm gần đây; giá trị mỗi hợp đồng giá trị mỗi hợp đồng không thấp hơn 1 (một) tỷ đồng.
3	Tài chính	Có báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán hoặc có xác nhận của cơ quan thuế; giá trị tài sản ròng dương.
4	Nhân sự chủ chốt	Chỉ huy trưởng công trình có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm; cán bộ an toàn và công nhân làm việc trên cao có giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.
5	Bảo hành, hỗ trợ	Cam kết bảo hành theo yêu cầu; cam kết tiếp nhận và bắt đầu khắc phục sự cố đột trong vòng 24 giờ trong thời gian bảo hành.

c) **Biện pháp thi công** - phải đáp ứng toàn bộ, không đạt bị loại:

STT	Yêu cầu
1	Thi công theo biện pháp cuốn chiếu từng vị trí; cô lập khu vực thi công, ngăn bụi phát tán xuống thiết bị, văn phòng, nhà xưởng, kho bên dưới; không ảnh hưởng hoạt động của các dây chuyền lân cận.
2	Che chắn kín, chống bụi triệt để toàn bộ máy móc, dây chuyền, thiết bị, hàng hóa và tài sản của MCP tại vị trí thi công.
3	Ghép mí nối tôn 01 sòng ; khoảng cách tối đa giữa các đỉnh cố định tôn 01 m .
4	Bảo đảm kín, không đột sau khi hoàn thành ở tất cả vị trí thi công.
5	Bảo đảm an toàn lao động: trang bị đầy đủ thiết bị an toàn, công cụ bảo hộ lao động; có biện pháp làm việc trên cao; tuân thủ quy định phòng cháy chữa cháy, kiểm soát công tác nóng của MCP; chịu trách nhiệm an toàn trong suốt quá trình thi công.
6	Có thuyết minh biện pháp thi công, tiến độ, nhân lực, thiết bị khả thi và phù hợp yêu cầu về thời gian thi công.

Bước 2. Chấm điểm (thang 100 điểm)

STT	Tiêu chí	Tỷ trọng (điểm)	Cách tính điểm
1	Đơn giá nhân công tháo dỡ	10	Điểm = $10 \times (\text{Giá thấp nhất} \div \text{Giá của nhà thầu})$

STT	Tiêu chí	Tỷ trọng (điểm)	Cách tính điểm
2	Đơn giá nhân công lắp đặt	20	Điểm = $20 \times (\text{Giá thấp nhất} \div \text{Giá của nhà thầu})$
3	Đơn giá vật tư	40	Điểm = $40 \times (\text{Giá thấp nhất} \div \text{Giá của nhà thầu})$. Vật tư phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Phụ lục 02)
4	Thời gian thi công	10	Điểm = $10 \times (\text{Số ngày ít nhất} \div \text{Số ngày nhà thầu đề xuất})$. Tổng số ngày không quá 24 ngày
5	Phương thức thanh toán	5	Điểm = $5 \times \text{Hệ số mức đáp ứng}$ (bảng mức A, B, C, D bên dưới)
6	Bảo hành thi công	15	Điểm = $15 \times (\text{Số tháng của nhà thầu} \div \text{Số tháng cao nhất})$. Tối thiểu 18 tháng; tính điểm tối đa 36 tháng
	Tổng	100	

Giá dùng để so sánh ở các tiêu chí 1, 2, 3 lấy từ phần tổng hợp của BOQ: (1) tổng nhân công tháo dỡ; (2) tổng nhân công lắp đặt (gồm các dòng thi công, chi phí khác); (3) tổng vật tư.

Mức đáp ứng phương thức thanh toán (tiêu chí 5):

Mức	Hệ số	Điều kiện
A	100%	Chấp thuận phương thức thanh toán của MCP hoặc đề xuất có lợi hơn (tổng đợt 1 và đợt 2 không quá 50%; giữ lại bảo hành không thấp hơn 5%).
B	60%	Tổng đợt 1 và đợt 2 trên 50% đến 60%; giữ lại bảo hành không thấp hơn 5%.
C	30%	Tổng đợt 1 và đợt 2 trên 60%, hoặc giữ lại bảo hành dưới 5% nhưng có bảo lãnh bảo hành.
D	0%	Không chấp thuận bảo lãnh tạm ứng hoặc bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bước 3. Xếp hạng, đàm phán và lựa chọn

- (1) Điểm tổng hợp = Σ (điểm từng tiêu chí). Nhà thầu phải đạt tối thiểu 70 điểm mới được xét lựa chọn.
- (2) Giá dùng để chấm điểm là giá chưa VAT, sau sửa lỗi số học, hiệu chỉnh sai lệch và trừ giảm giá (nếu có).
- (3) Xếp hạng lần 1 theo điểm tổng hợp từ cao xuống thấp. Điểm bằng nhau thì ưu tiên nhà thầu có giá vật tư thấp hơn.
- (4) **Đàm phán:** Tổ đấu thầu mời 02-03 nhà thầu xếp hạng cao nhất (đạt điểm tối thiểu) đàm phán về đơn giá, thời gian thi công, phương thức thanh toán, bảo hành và biện pháp thi công. Không đàm phán năng lực; không được tăng giá đã chào; áp dụng cùng nguyên tắc cho mọi nhà thầu được mời. Kết quả lập biên bản có chữ ký của nhà thầu; nhà thầu nộp lại BOQ điều chỉnh có ký tên, đóng dấu.
- (5) Sau đàm phán, điểm được tính lại theo nội dung đã chốt và làm căn cứ xếp hạng cuối cùng. Nhà thầu xếp hạng 1 được đề nghị lựa chọn; chọn nhà thầu khác hạng 1 phải có giải trình và được Tổng Giám đốc phê duyệt.
- (6) Nhà thầu có giá chào thấp hơn 70% giá trung bình của các nhà thầu được chấm điểm phải giải trình bằng văn bản.

PHẦN III. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI, KỸ THUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN

1. Phạm vi công việc

STT	Hạng mục	Nội dung chính
1	Kho (số 2), diện tích 1000.62m ²	Chống dột mái M1; máng xối mái M2; tháo dỡ, thay và lợp lại mái M3; gia cố kèo đỡ mái
2	Kho nắp (số 22), diện tích 44.5m ²	Thay tôn mái 48.06 m ² ; máng xối
3	Kho hàng mái tôn - không vách bao che (số 33), diện tích 1172.63m ²	Thay tôn mái 1,009.99 m ² ; chống dột 256.45 m ² ; diềm, máng xối
4	Nhà văn phòng 2 tầng (số 18), diện tích 2664m ² (thi công một phần mái)	Thay tôn mái 716.99 m ² ; chống dột 148.80 m ² ; diềm
5	Xưởng in tráng (số 7), diện tích 2479.83m ²	Thay tôn mái 1,921.32 m ² ; diềm; bịt kín 08 vị trí ống khói
6	Xưởng thủy hải sản, cắt sắt cuộn (số 12), diện tích 933.85m ²	Thay tôn mái 1,008.56 m ² ; diềm
7	Kho lon không in (số 13), diện tích 629.84m ²	Thay tôn mái 680.23 m ² ; diềm; máng xối
8	Đầu ra xưởng tráng mới, diện tích 108m ²	Thay tôn mái 116.64 m ² ; diềm biên
9	Lắp dựng mái che	Xà gỗ, cột, mã, máng xối, ống thoát nước; lắp đặt tôn cũ có sẵn
10	Chi phí khác	Che chắn, dọn vệ sinh, vận chuyển tôn cũ cho toàn bộ hạng mục (5,898.36 m ²)

Khối lượng chi tiết theo BOQ (Phần V). Hạng mục IV chỉ thi công một phần mái; khối lượng thực hiện theo BOQ.

2. Yêu cầu kỹ thuật đối với vật tư

STT	Tiêu chí	Thông số yêu cầu
1	Chủng loại	Tôn lạnh mạ màu TVP
2	Xuất xứ	TVP (nhà máy TVP)
3	Màu sắc	Xanh rêu (mái M3 kho số 2: xanh ngọc, 9 sóng theo hiện trạng)
4	Độ dày	Tối thiểu 4.3 zem (0.43 mm)
5	Khổ rộng	Tối thiểu 1.07 m
6	Chiều dài	Theo thực tế hiện trạng của từng xưởng
7	Số sóng	05 sóng (mái M3 kho số 2: 09 sóng)
8	Chất lượng	Mới 100%; có CO/CQ hoặc TCCS và COA
9	Bảo hành chất lượng tôn	07 năm
10	Mẫu tôn	Nhà thầu cung cấp mẫu để các bên xác nhận, làm cơ sở nghiệm thu

STT	Tiêu chí	Thông số yêu cầu
11	Đinh vít gia cố	Xuất xứ Việt Nam; chiều dài 5 cm

Mẫu vật tư nộp khi đàm phán theo quy định tại mục 4.4 Phần I. Vật tư đưa vào công trình phải đúng với mẫu đã lưu.

3. Yêu cầu về biện pháp thi công

- (1) Thi công theo biện pháp cuốn chiếu từng vị trí; cô lập khu vực thi công, ngăn bụi phát tán xuống thiết bị, văn phòng, nhà xưởng, kho bên dưới; không ảnh hưởng hoạt động của các dây chuyền lân cận.
- (2) Che chắn kín, chống bụi triệt để toàn bộ máy móc, dây chuyền, thiết bị, hàng hóa và tài sản của MCP tại vị trí thi công.
- (3) Ghép mí nổi tôn **01 sóng**; khoảng cách tối đa giữa các đinh cố định tôn **01 m**.
- (4) Bảo đảm kín, không dột sau khi hoàn thành ở tất cả vị trí thi công.
- (5) Bảo đảm an toàn lao động: trang bị đầy đủ thiết bị an toàn, công cụ bảo hộ lao động; có biện pháp làm việc trên cao; tuân thủ quy định phòng cháy chữa cháy, kiểm soát công tác nóng của MCP; chịu trách nhiệm an toàn trong suốt quá trình thi công.
- (6) Có thuyết minh biện pháp thi công, tiến độ, nhân lực, thiết bị khả thi và phù hợp yêu cầu về thời gian thi công.
- (7) Tôn cũ tháo dỡ được tập kết tại khu vực chỉ định trong khuôn viên nhà máy, không đưa ra ngoài khi chưa có chấp thuận của MCP; vệ sinh, thu dọn sạch sau mỗi ca thi công.
- (8) Khi có mưa, nhà thầu che chắn tạm bảo đảm không để nước thấm vào máy móc, hàng hóa. Ngày mưa lớn không thi công được không tính vào thời gian thi công (có xác nhận của MCP).

4. Thời gian thi công

STT	Hạng mục	Số ngày yêu cầu
1	Kho (số 2), diện tích 1000.62m ²	3
2	Kho nắp (số 22), diện tích 44.5m ²	1
3	Kho hàng mái tôn - không vách bao che (số 33), diện tích 1172.63m ²	3
4	Nhà văn phòng 2 tầng (số 18), diện tích mái thi công 716.99m ²	4
5	Xưởng in tráng (số 7), diện tích 2479.83m ²	5
6	Xưởng thủy hải sản, cắt sắt cuộn (số 12), diện tích 933.85m ²	3
7	Kho lon không in (số 13), diện tích 629.84m ²	2
8	Đầu ra xưởng tráng mới, diện tích 108m ²	1
9	Lắp dựng mái che	2
	TỔNG CỘNG	24

Thời gian thực hiện hợp đồng: 01 tháng kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Nhà thầu đề xuất không vượt quá số ngày yêu cầu.

5. Phương thức thanh toán và bảo lãnh

Đợt	Thời điểm	Tỷ lệ	Hồ sơ, điều kiện
Bảo lãnh	Bảo lãnh ngân hàng thực hiện hợp đồng (bắt buộc), giá trị 10% (chưa VAT) giá trị hợp đồng		Thư bảo lãnh của ngân hàng do MCP chấp thuận
Đợt 1	Tạm ứng, sau khi ký hợp đồng	20%	Bảo lãnh tạm ứng vô điều kiện của ngân hàng do MCP chấp thuận; đề nghị thanh toán
Đợt 2	Sau khi hoàn tất nghiệm thu vật tư đầu vào	30%	Biên bản nghiệm thu vật tư đầu vào có xác nhận của MCP; bản CO, CQ của tôn; hóa đơn GTGT đợt 2
Đợt 3	Trong vòng 10 ngày làm việc sau khi hoàn thành thi công, nghiệm thu bàn giao các hạng mục	45%	Biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành; biên bản xác nhận giá trị hoàn thành; hóa đơn GTGT
Đợt 4	Quyết toán: khi hết thời hạn bảo hành công trình hoặc khi có chứng thư bảo lãnh bảo hành	5%	Biên bản hết hạn bảo hành hoặc chứng thư bảo lãnh bảo hành

Tỷ lệ tính trên giá trị hợp đồng chưa VAT, điều chỉnh theo khối lượng thực tế nghiệm thu. Thanh toán bằng chuyển khoản.

6. Bảo hành

Nội dung	Yêu cầu
Bảo hành chất lượng tôn	07 năm
Bảo hành chất lượng thi công	Tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao
Xử lý sự cố	Tiếp nhận và bắt đầu khắc phục trong vòng 24 giờ

7. Điều kiện, phạm vi loại trừ

- MCP cung cấp và thanh toán chi phí điện, nước phục vụ thi công.
- Giá chào không bao gồm chi phí thay thế, sửa chữa xà gồ mái hư hỏng (nếu có). Nếu phát sinh và được MCP chấp thuận, thanh toán theo đơn giá bổ sung nhà thầu đã chào trong BOQ.
- Không bao gồm tháo dỡ, lắp lại hệ thống chống sét mái, cầu hút gió, hệ thống điện trên mái; nhà thầu phối hợp với MCP khi thi công.
- Chưa bao gồm hệ thống thoát nước mái trực đứng.
- Thời gian làm việc, quy định ra vào, an toàn, phòng cháy chữa cháy của MCP: nhà thầu tuân thủ; lịch thi công từng khu vực thống nhất với Giám đốc Sản xuất.

PHẦN IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

MẪU 01. ĐƠN DỰ THẦU

Ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu.

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời thầu gói thầu "Thay tôn và chống dột nhà xưởng", chúng tôi:
..... (tên nhà thầu), địa chỉ, mã số thuế
....., cam kết thực hiện gói thầu theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời thầu với:

1. Tổng giá chào (chưa VAT): đồng; VAT (...%):
..... đồng; tổng cộng: đồng (bằng chữ:
.....).
2. Thời gian thi công: ngày; bảo hành thi công: tháng; bảo hành tôn:
năm.
3. Hồ sơ dự thầu có hiệu lực ngày kể từ thời điểm đóng thầu (tối thiểu 90 ngày).
4. Chúng tôi cam kết: (a) không đang trong tình trạng giải thể, phá sản, không nợ thuế quá hạn; (b) thông tin kê khai là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật; (c) không có xung đột lợi ích với MCP và các thành viên Tổ đấu thầu; (d) không tham gia trong hai hoặc nhiều hồ sơ dự thầu; không thông thầu, không đưa hối lộ; (e) chấp thuận sửa lỗi số học theo Hồ sơ mời thầu; (f) tham gia đàm phán khi được mời.
5. Nhà thầu có phải là đơn vị tư vấn khảo sát của MCP không? ☐ Không ☐ Có (cam kết không sử dụng thông tin ngoài Hồ sơ mời thầu).

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ THẦU**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU 02. KÊ KHAI THÔNG TIN VÀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Nội dung	Kê khai
Tên nhà thầu	
Địa chỉ trụ sở	
Mã số thuế; số điện thoại; email	
Người đại diện pháp luật; chức vụ	
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (số, ngày cấp)	
Ngành nghề xây dựng đăng ký	
Giấy phép/chứng chỉ hoạt động xây dựng (nếu có)	
Vốn điều lệ (đồng)	
Tổng tài sản; nợ phải trả; tài sản ròng năm 2025 (đồng)	
Doanh thu năm 2024, 2025 (đồng)	

Đính kèm: báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán hoặc có xác nhận của cơ quan thuế.

MẪU 03. DANH SÁCH HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ

STT	Tên công trình, chủ đầu tư	Nội dung công việc	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời gian thực hiện	Tài liệu đính kèm
1					
2					
3					

Yêu cầu: tối thiểu 02 hợp đồng đã hoàn thành trong 05 năm gần đây, kèm hợp đồng, biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý.

MẪU 04. NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

STT	Họ và tên	Vị trí	Số năm kinh nghiệm	Bằng cấp, chứng chỉ	Công trình tương tự đã tham gia
1		Chỉ huy trưởng công trình			
2		Cán bộ an toàn			
3		Đội trưởng thi công			

Đính kèm bản sao bằng cấp, chứng chỉ, giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

MẪU 05. THUYẾT MINH BIỆN PHÁP THI CÔNG VÀ CAM KẾT

Nhà thầu trình bày ngắn gọn (tối đa 05 trang) các nội dung sau và ghi rõ đáp ứng hoặc đề xuất:

STT	Nội dung	Trình bày của nhà thầu
1	Sơ đồ tổ chức, nhân lực, thiết bị thi công	
2	Trình tự thi công cuốn chiếu từng vị trí và tiến độ theo từng hạng mục (bảng tiến độ)	
3	Biện pháp cô lập, ngăn bụi và che chắn máy móc, hàng hóa, tài sản của MCP	
4	Biện pháp ghép mí nổi tôn 01 sóng; khoảng cách đỉnh cố định tối đa 01 m; xử lý chống dột	
5	Biện pháp an toàn lao động, làm việc trên cao, phòng cháy chữa cháy, công tác nóng	
6	Biện pháp ứng phó mưa, vệ sinh, tập kết tôn cũ	
7	Cam kết bảo hành thi công, bảo hành tôn; tiếp nhận và xử lý sự cố trong 24 giờ	
8	Bảo hiểm (tai nạn lao động, trách nhiệm bên thứ ba) dự kiến mua	
9	Đề xuất khác của nhà thầu (nếu có)	

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ THẦU**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẦN V. BIỂU MẪU CHÀO GIÁ (BOQ)

Nhà thầu sử dụng file Excel "4_BOQ_CHAO_GIA.xlsx" kèm theo Hồ sơ mời thầu, gồm các trang: HƯỚNG DẪN, BOQ, TIÊU CHÍ. Nhà thầu chỉ điền vào các ô tô màu vàng nhạt; không thêm, bớt, đổi thứ tự dòng, cột; in, ký tên, đóng dấu và nộp trong Phong bì 2.

PHẦN VI. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG THI CÔNG

Xem file "6_DU_THAO_HOP_DONG.docx" kèm theo Hồ sơ mời thầu. Nhà thầu nghiên cứu và chấp thuận các điều khoản chính khi dự thầu.





HƯỚNG DẪN ĐIỀN BIỂU MẪU CHÀO GIÁ

Gợi ý: Thay tôn và chống dột nhà xưởng - Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu

- 1 Nhà thầu chỉ điền vào các ô tô màu VÀNG NHẬT. Ô màu XÁM không nhập. Các ô còn lại là công thức hoặc nội dung cố định, không sửa.
- 2 Không thêm, bớt, đổi thứ tự dòng, cột; không đổi tên trang tính. Việc giữ nguyên định dạng để Tổ đấu thầu so sánh, chấm điểm các nhà thầu.
- 3 Trang BOQ: điền đơn giá vật tư (cột E) và đơn giá nhân công (cột F) bằng VNĐ, chưa VAT. Đơn giá (cột G) và Thành tiền (cột H) tự tính.
- 4 Dòng "Tháo dỡ tôn cũ" và một số dòng chỉ có nhân công: chỉ điền cột F (cột E màu xám).
- 5 Đơn giá đã bao gồm toàn bộ chi phí vật tư, nhân công, máy, che chắn, vận chuyển, an toàn, bảo hiểm, thuế phí (trừ VAT) và lợi nhuận.
- 6 Thuế suất VAT (ô màu vàng cuối bảng): ghi theo quy định hiện hành tại thời điểm chào giá. Việc chấm điểm căn cứ giá chưa VAT.
- 7 Phần "Đơn giá bổ sung" (thay thế xà gồ hư hỏng) chỉ chào đơn giá, không cộng vào tổng giá chào.
- 8 Trang TIÊU CHÍ: xác nhận yêu cầu vật tư; ghi số ngày thi công đề xuất từng hạng mục; tỷ lệ % thanh toán từng đợt; bảo hành; giải pháp thi công. Nếu đồng ý với yêu cầu của MCP, ghi lại đúng số yêu cầu hoặc ghi "Đồng ý".
- 9 Ký tên, đóng dấu ở cuối trang BOQ; in và nộp trong Phong bì 2 (dán kín, niêm phong), kèm file điện tử nếu Bên mời thầu yêu cầu.
- 10 Ví dụ cách điền: dòng "Chống dột bằng tôn tận dụng" - đơn giá vật tư 20,000; đơn giá nhân công 15,000 đồng/m² (số ví dụ, không có giá trị).

Chú thích màu:

Ô nhà thầu điền
Ô không nhập
Ô công thức / cố định

BẢNG KHỐI LƯỢNG VÀ BIỂU MẪU CHÀO GIÁ

CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA CÔNG TY CP IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU.

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CP IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU.

ĐỊA ĐIỂM: 18 LŨY BÁN BÍCH - PHƯỜNG TÂN PHÚ - TP. HỒ CHÍ MINH.

HẠNG MỤC: THI CÔNG THẢO DỠ, LẮP ĐẶT TÔN MÁI NHÀ KHO, NHÀ XƯỞNG

TÊN NHÀ THẦU:

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ VẬT TƯ (VNĐ)	ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG (VNĐ)	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	NHÓM CHI PHÍ
I	KHO (SỐ 2), DIỆN TÍCH 1000.62m²								
L1	Khu vực Mái 1								
1	Chống dột bằng tôn tận dụng (mái M1)	m2	140.00			-	-		Thi công
L2	Khu vực Mái 2								
1	CCLD máng xối tôn dày 0.8mm, rộng 500, cao 250-350mm	md	10.20			-	-		Thi công
L3	Khu vực Mái 3								
1	Tháo dỡ tôn cũ tập kết ngay tại khu vực thi công (mái M3)	m2	396.58			-	-	Tôn hiện hữu là tôn TVP (nhà máy TVP)	Tháo dỡ
2	Cung cấp lắp đặt tôn mái mới, tôn TVP dày 0.43mm, tôn 9 sóng màu xanh ngọc theo hiện trạng (mái M3)	m2	53.55			-	-	Khu vực hiện trạng 9 sóng, thi công tiếp nối theo hiện trạng	Thi công
3	CCLD diềm biên, khổ 600 tôn dày 0.5mm (mái M3)	md	5.00			-	-		Thi công
4	Nối thêm tôn đuôi mái (mái M3) (tận dụng tôn cũ)	m2	18.00			-	-	Nối thêm 0,5 m	Thi công
5	Gia cố chống võng kéo đỡ mái tôn bằng thép hình I120 (8 vị trí đầu cột)	md	24.00			-	-		Thi công
6	Phân tôn cũ tháo ra chồng 2 mí tôn lợp lại (mái M3)	m2	396.58			-	-		Thi công
II	KHO NÁP (SỐ 22), DIỆN TÍCH 44.5m²								
1	Tháo dỡ tôn cũ tập kết ngay tại khu vực thi công	m2	48.06			-	-		Tháo dỡ
2	Cung cấp lắp đặt tôn mái mới, tôn TVP dày 0.43mm, tôn 5 sóng màu xanh rêu	m2	48.06			-	-		Thi công
3	CCLD máng xối tôn dày 0.8mm, rộng 300, cao 250mm	md	10.20			-	-		Thi công
III	KHO HÀNG MÁI TÔN - KHÔNG VÁCH BAO CHE (SỐ 33), DIỆN TÍCH 1172.63m²								
1	Tháo dỡ tôn cũ tập kết ngay tại khu vực thi công	m2	1,009.99			-	-		Tháo dỡ
2	Cung cấp lắp đặt tôn mái mới, tôn TVP dày 0.43mm, tôn 5 sóng màu xanh rêu	m2	1,009.99			-	-		Thi công
3	Chống dột mái tôn hiện hữu	m2	256.45			-	-		Thi công
4	CCLD diềm tôn úp nóc, khổ 600 tôn dày 0.5mm	md	68.00			-	-		Thi công
5	CCLD diềm biên, khổ 600 tôn dày 0.5mm	md	50.00			-	-		Thi công
6	CCLD máng xối tôn dày 0.8mm, rộng 300, cao 250mm	md	30.00			-	-		Thi công
IV	NHÀ VĂN PHÒNG 2 TẦNG (SỐ 18), DIỆN TÍCH 2664m² (chỉ thi công một phần mái)								
1	Tháo dỡ tôn cũ tập kết ngay tại khu vực thi công	m2	716.99			-	-		Tháo dỡ
2	Cung cấp lắp đặt tôn mái mới, tôn TVP dày 0.43mm, tôn 5 sóng màu xanh rêu	m2	716.99			-	-		Thi công
3	Chống dột mái tôn hiện hữu bằng tôn cũ và sikaflex 104	m2	148.80			-	-		Thi công
4	CCLD diềm tôn úp nóc, khổ 600 tôn dày 0.5mm	md	34.00			-	-		Thi công

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ VẬT TƯ (VNĐ)	ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG (VNĐ)	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	NHÓM CHI PHÍ
5	CCLD diềm biên, khổ 600 tôn dày 0.5mm	md	37.20			-	-		Thi công
6	CCLD diềm chắn tạc, khổ 600 tôn dày 0.5mm	md	36.00			-	-		Thi công
V	XUỐNG IN TRĂNG (SỐ 7), DIỆN TÍCH 2479.83m2								
1	Tháo dỡ tôn cũ tập kết ngay tại khu vực thi công	m2	1,921.32			-	-		Tháo dỡ
2	Cung cấp lắp đặt tôn mái mới, tôn TVP dày 0.43mm, tôn 5 sóng màu xanh rêu	m2	1,921.32			-	-		Thi công
3	CCLD diềm tôn úp nóc, khổ 600 tôn dày 0.5mm	md	85.00			-	-		Thi công
4	CCLD diềm biên, khổ 600 tôn dày 0.5mm	md	32.00			-	-		Thi công
5	Gia cố bịt kín các vị trí ống khối	cái	8.00			-	-		Thi công
VI	XUỐNG THỦY HẢI SÀN, CÁT SẮT CUỘN (SỐ 12), DIỆN TÍCH 933.85m2								
1	Tháo dỡ tôn cũ tập kết ngay tại khu vực thi công	m2	1,008.56			-	-		Tháo dỡ
2	Cung cấp lắp đặt tôn mái mới, tôn TVP dày 0.43mm, tôn 5 sóng màu xanh rêu	m2	1,008.56			-	-		Thi công
3	CCLD diềm tôn úp nóc, khổ 600 tôn dày 0.5mm	md	42.00			-	-		Thi công
4	CCLD diềm biên, khổ 600 tôn dày 0.5mm	md	37.00			-	-		Thi công
VII	KHO LON KHÔNG IN (SỐ 13), DIỆN TÍCH 629.84m2								
1	Tháo dỡ tôn cũ tập kết ngay tại khu vực thi công	m2	680.23			-	-		Tháo dỡ
2	Cung cấp lắp đặt tôn mái mới, tôn TVP dày 0.43mm, tôn 5 sóng màu xanh rêu	m2	680.23			-	-		Thi công
3	CCLD diềm tôn úp nóc, khổ 600 tôn dày 0.5mm	md	25.00			-	-		Thi công
4	CCLD diềm biên, khổ 600 tôn dày 0.5mm	md	50.00			-	-		Thi công
5	CCLD máng xối tôn dày 0.8mm, rộng 300, cao 250mm	md	43.00			-	-		Thi công
VIII	ĐÁU RA XUỐNG TRẮNG MỚI, DIỆN TÍCH 108m2								
1	Tháo dỡ tôn cũ tập kết ngay tại khu vực thi công	m2	116.64			-	-		Tháo dỡ
2	Cung cấp lắp đặt tôn mái mới, tôn TVP dày 0.43mm, tôn 5 sóng màu xanh rêu	m2	116.64			-	-		Thi công
3	CCLD diềm biên, khổ 600 tôn dày 0.5mm	md	28.00			-	-		Thi công
IX	LẮP DỰNG MÁI CHE								
1	CCLD xà gỗ 50x10x1,4 ly	md	118.00			-	-		Thi công
2	CCLD cột thép tròn dk 90 dày 1,4ly	md	20.00			-	-		Thi công
3	CCLD mã 150x150x6	cái	4.00			-	-		Thi công
4	CCLD máng xối tôn dày 0.8mm, rộng 300, cao 350mm	md	11.00			-	-		Thi công
5	CCLD ống thoát nước dk 90	md	6.00			-	-		Thi công
6	CC nhân công lắp đặt tôn mái cũ có sẵn	m2	66.00			-	-		Thi công
X	CHI PHÍ KHÁC								
1	Thực hiện biện pháp che chắn (che thêm theo yêu cầu) và dọn dẹp vệ sinh cho toàn bộ các hạng mục thi công	m2	5,898.36			-	-	Khối lượng bằng tổng khối lượng tháo dỡ (tự tính)	Thi công
2	Vận chuyển tôn từ mái xuống đến nơi tập kết trong khuôn viên nhà máy	m2	5,898.36			-	-	Khối lượng bằng tổng khối lượng tháo dỡ (tự tính)	Thi công
THÀNH TIỀN TRƯỚC THUẾ							-		
THUẾ VAT - thuế suất (%) ghi vào ô bên phải →							-	8%	
THÀNH TIỀN SAU THUẾ							-		

TỔNG HỢP PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ (chưa VAT - tự tính, nhà thầu không nhập)

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ VẬT TƯ (VNĐ)	ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG (VNĐ)	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	NHÓM CHI PHÍ
						(1) Tổng nhân công tháo dỡ	-		
						(2) Tổng nhân công lắp đặt (các dòng thi công, chi phí khác)	-		
						(3) Tổng vật tư	-		
						Kiểm tra: (1)+(2)+(3) so với thành tiền trước thuế	Khớp		

ĐƠN GIÁ BỔ SUNG (chỉ chào đơn giá, KHÔNG cộng vào tổng giá chào)

STT	NỘI DUNG	ĐVT		ĐƠN GIÁ VẬT TƯ (VNĐ)	ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG (VNĐ)	ĐƠN GIÁ (VNĐ)		GHI CHÚ	
1	Thay thế xà gồ mái bị hư hỏng (nếu có, chỉ thực hiện khi MCP chấp thuận bằng văn bản)	md				-		Áp dụng khi phát sinh	

GHI CHÚ:

- CĐT cung cấp và thanh toán chi phí điện, nước phục vụ công tác thi công.
- Giá chào không bao gồm chi phí thay thế, sửa chữa xà gồ mái (bị hư hỏng nếu có); phát sinh thanh toán theo đơn giá bổ sung được CĐT chấp thuận.
- Không bao gồm tháo dỡ và lắp lại hệ thống chống sét mái, cầu hút gió, hệ thống điện có liên quan trên mái (CĐT thực hiện, nhà thầu phối hợp).
- Chưa bao gồm hệ thống thoát nước mái trực đứng.
- Đơn giá cố định; khối lượng thi công tạm tính; nghiệm thu và thanh toán theo khối lượng thực tế.
- CCLD: cung cấp, lắp đặt. Hạng mục IV chỉ thi công một phần mái, khối lượng theo bảng.

CHỦ ĐẦU TƯ (xác nhận khối lượng)

Ngày tháng năm 2026
NHÀ THẦU (ký tên, đóng dấu)

YÊU CẦU VÀ ĐỀ XUẤT CỦA NHÀ THẦU

Nhà thầu điền vào các ô màu vàng nhạt. Nếu đồng ý với yêu cầu của MCP, ghi "Đồng ý" (đối với nội dung văn bản) hoặc ghi lại đúng số yêu cầu (đối với số ngày, tỷ lệ %, tháng).

1. YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐỐI VỚI VẬT TƯ

STT	Tiêu chí	Thông số yêu cầu	Nhà thầu xác nhận (Đáp ứng / nêu chi tiết)
Tôn lạnh mạ màu			
1	Chủng loại	Tôn lạnh mạ màu TVP	
2	Xuất xứ	TVP	
3	Màu sắc	Xanh rêu (mái M3 kho số 2: xanh ngọc, 9 sóng theo hiện trạng)	
4	Độ dày	4.3 zem (0.43 mm)	
5	Khổ rộng	1.07 m	
6	Số lượng sóng đối với hệ thống mái	5 (mái M3 kho số 2: 9)	
7	Chất lượng	Mới 100%; CO/CQ hoặc TCCS và COA	
8	Bảo hành chất lượng tôn	Trên 7 năm	
9	Mẫu tôn	Cung cấp mẫu để các bên xác nhận, làm cơ sở nghiệm thu	
Đinh vít gia cố			
1	Xuất xứ	Việt Nam	
2	Chiều dài	5 cm	

2. YÊU CẦU VỀ THỜI GIAN THI CÔNG

STT	Hạng mục	Số ngày thi công yêu cầu	Số ngày đề xuất của nhà thầu
1	KHO (SỐ 2), DIỆN TÍCH 1000.62m2	3	
2	KHO NẬP (SỐ 22), DIỆN TÍCH 44.5m2	1	
3	KHO HÀNG MÁI TÔN - KHÔNG VÁCH BAO CHE (SỐ 33), DIỆN TÍCH 1172.63m2	3	
4	NHÀ VÁN PHÒNG 2 TẦNG (SỐ 18), DIỆN TÍCH MÁI THI CÔNG 716.99m2	4	
5	XƯỞNG IN TRẮNG (SỐ 7), DIỆN TÍCH 2479.83m2	5	
6	XƯỞNG THỦY HẢI SẢN, CÁT SÁT CUỘN (SỐ 12), DIỆN TÍCH 933.85m2	3	
7	KHO LON KHÔNG IN (SỐ 13), DIỆN TÍCH 629.84m2	2	
8	ĐẦU RA XƯỞNG TRẮNG MỚI, DIỆN TÍCH 108m2	1	
9	LẮP DỰNG MÁI CHE	2	
TỔNG THỜI GIAN THI CÔNG		24	0

Nhà thầu có thể đồng ý hoặc đề xuất thời gian tối ưu hơn theo kinh nghiệm (không vượt quá số ngày yêu cầu).

3. YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

STT	Nội dung diễn giải các đợt thanh toán	% giá trị thanh toán yêu cầu của chủ đầu tư	% giá trị đề xuất của nhà thầu
1	Bảo lãnh ngân hàng về việc thi công gói thầu (Bắt buộc): giá trị []% giá trị hợp đồng	Bắt buộc	
2	Đợt 1 (Ngay sau khi ký hợp đồng; có bảo lãnh tạm ứng vô điều kiện)	20%	
3	Đợt 2 (Ngay khi hoàn tất nghiệm thu vật tư đầu vào)	30%	
4	Đợt 3 (Sau khi hoàn tất thi công, nghiệm thu và xuất hóa đơn)	45%	
5	Đợt 4 (Sau khi hết thời hạn bảo hành, hoặc có chứng thư bảo lãnh)	5%	
TỔNG CỘNG		100%	0%

Nhà thầu ghi % theo dạng số (ví dụ 20%). Tổng phải bằng 100%. Có thể đồng ý hoặc đề xuất phương án tối ưu hơn.

4. YÊU CẦU VỀ BIỆN PHÁP THI CÔNG

STT	Yêu cầu của chủ đầu tư	Giải pháp đề xuất của nhà thầu
1	Thực hiện thi công theo biện pháp cuốn chiếu từng vị trí	
2	Cô lập che chắn bằng bạt xung quanh các vị trí thi công nhằm chống bụi phát tán trong quá trình thi công và đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của những dây chuyền lân cận	
3	Che chắn kín hoàn toàn máy móc thiết bị, hàng hóa của chủ đầu tư tại vị trí thi công do không thể di dời (bằng bạt phủ)	
4	Trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn và công cụ BHLĐ cho nhân sự phục vụ thi công	
5	Quy định ghép nối mái tôn: 1 sóng; khoảng cách tối đa giữa các đinh cố định tôn: 1m	



6	Đảm bảo độ kín và không dột sau khi hoàn thành ở tất cả vị trí thi công	
7	Nhà thầu tuyệt đối tuân thủ các nguyên tắc an toàn và chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn trong suốt quá trình thi công	
8	Tuân thủ quy định phòng cháy chữa cháy, kiểm soát công tác nóng của MCP; có biện pháp làm việc trên cao	
9	Có biện pháp che chắn tạm khi có mưa; tập kết tôn cũ tại khu vực chỉ định, vệ sinh sau mỗi ca thi công	

5. YÊU CẦU VỀ THỜI GIAN BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH

STT	Nội dung	Yêu cầu chủ đầu tư	Đề xuất của nhà thầu
1	Bảo hành chất lượng tôn (năm)	7	
2	Bảo hành chất lượng thi công (tháng)	18	
3	Thời gian tiếp nhận và bắt đầu khắc phục sự cố (giờ)	24	

Ghi số. Nhà thầu có thể đồng ý hoặc đề xuất phương án tối ưu hơn theo kinh nghiệm dựa trên yêu cầu của chủ đầu tư.